

CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2016

Tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2016

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
-	<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2016</i>	1-2
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý III năm 2016</i>	3
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý III năm 2016</i>	4
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý III năm 2016</i>	5-23

02
C
C
AP
D
AN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. Tài sản ngắn hạn	100		85,891,110,808	80,397,582,453
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		57,449,025,190	65,051,792,424
1. Tiền	111	V.1	3,949,025,190	2,051,792,424
2. Các khoản tương đương tiền	112		53,500,000,000	63,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27,337,654,362	14,063,035,816
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1,780,047,487	1,780,191,971
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16,366,062	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2a		
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	25,541,240,813	12,282,843,845
IV. Hàng tồn kho	140		796,257,484	796,257,484
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2,296,257,484	2,296,257,484
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1,500,000,000)	(1,500,000,000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		308,173,772	486,496,729
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	308,173,772	486,496,729
2. Thuế GTGT còn được khấu trừ	152			
B. Tài sản dài hạn	200		187,111,956,113	186,977,826,356
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		43,774,789,572	42,482,000,000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.2b	40,218,282,000	42,482,000,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3,556,507,572	
II. Tài sản cố định	220		2,791,453,168	3,548,701,333
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2,791,453,168	3,548,701,333
- Nguyên giá	222		9,693,877,232	9,693,877,232
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6,902,424,064)	(6,145,175,899)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		140,502,212,602	140,900,232,227
1. Đầu tư vào công ty con	251		142,036,120,074	143,035,120,074
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1,533,907,472)	(2,134,887,847)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		43,500,771	46,892,796
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	43,500,771	46,892,796
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.24a		
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		273,003,066,921	267,375,408,809

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

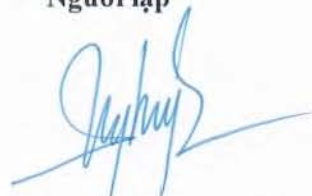
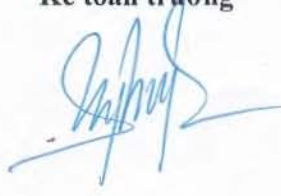
Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
C. Nợ phải trả	300		14,283,866,271	10,806,547,255
I. Nợ ngắn hạn	310		7,227,866,271	10,806,547,255
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	1,776,848,409	1,281,062,290
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27,556,000	28,522,242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	118,122,691	513,343,185
4. Phải trả người lao động	314		111,279,769	119,639,395
5. Chi phí phải trả	315	V.18	60,334,500	32,357,000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	245,886,905	491,773,811
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	3,716,982,661	8,044,510,034
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,170,855,336	295,339,298
II. Nợ dài hạn	330		7,056,000,000	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	7,056,000,000	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15		
D Vốn chủ sở hữu	400	V.25	258,719,200,650	256,568,861,554
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25a	258,719,200,650	256,568,861,554
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187,110,000,000	187,110,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		184,608,660,000	184,608,660,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9,772,359,500	9,772,359,500
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2,526,129,900)	(2,526,129,900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		647,497,875	477,841,404
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63,715,473,175	61,734,790,550
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		38,852,838,884	31,063,192,433
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24,862,634,291	30,671,598,117
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		273,003,066,921	267,375,408,809

Hải Phòng, ngày 19 tháng 10 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Thái Cường

Nguyễn Thu Thủy

Nguyễn Thu Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ III NĂM 2016

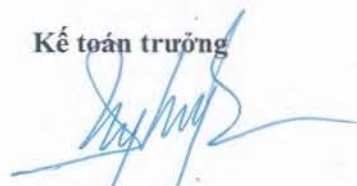
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3,644,517,786	5,979,016,741	11,490,396,602	15,959,148,078
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	03				-	-
	- Hàng bán bị trả lại					-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3,644,517,786	5,979,016,741	11,490,396,602	15,959,148,078
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3,304,542,537	5,201,354,232	10,208,109,136	13,883,782,384
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		339,975,249	777,662,509	1,282,287,466	2,075,365,694
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	7,693,898,311	7,573,690,744	26,571,546,854	22,362,287,381
7	Chi phí tài chính	22	VI.5	83,077,485	25,832,867	325,193,460	131,904,831
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23				80,000,000	11,531,667
8	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	705,552,512	811,376,176	2,290,678,709	2,242,278,715
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,245,243,563	7,514,144,210	25,237,962,151	22,063,469,529
11	Thu nhập khác	31	VI.6				
12	Chi phí khác	32	VI.7				
13	Lợi nhuận khác	40					
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,245,243,563	7,514,144,210	25,237,962,151	22,063,469,529
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	95,079,795	167,394,775	375,327,860	500,660,799
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,150,163,768	7,346,749,435	24,862,634,291	21,562,808,730

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 19 tháng 10 năm 2016

Chu tịch Hội đồng quản trị



Lê Thái Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 30/09/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01-01-2016 đến 30-09-2016	Từ 01-01-2015 đến 30-09-2015
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	12,020,872,457	16,004,879,276
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(10,760,308,182)	(13,080,368,330)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1,164,460,049)	(1,130,713,318)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(80,000,000)	(11,531,667)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(739,191,205)	(520,211,762)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	18,748,197,120	33,232,582,297
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(31,467,330,843)	(33,458,557,198)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13,442,220,702)	1,036,079,298
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	200,000,000	2,500,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12,070,000,000)	(12,992,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10,841,718,000	3,540,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	152,826,165	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28,921,511,700	21,311,279,429
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	28,046,055,865	14,359,279,429
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	37,817,500,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(1,340,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(1,020,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22,206,602,397)	(20,099,096,930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(22,206,602,397)	16,697,063,070
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7,602,767,234)	32,092,421,797
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	65,051,792,424	8,108,447,776
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		95,919
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	57,449,025,190	40,200,965,492

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 19 tháng 10 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Thái Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2016

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 25 tháng 08 năm 2015. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty : **187.110.000.000 đồng**

Mệnh giá cổ phần : **10.000 đồng**

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê Container;
- Cho thuê xe có động cơ;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 03 tháng

5. Danh sách các Công ty con và tỷ lệ sở hữu

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 14 tháng 04 năm 2015. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt nam.

Hoạt động kinh doanh chính là kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Cho thuê kho bãi, văn phòng, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/09/2016. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99.68% tại Công ty con.

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 17 tháng 04 năm 2015. Theo đó:

Vốn điều lệ : 6.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Lô số 2, Khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ Việt nam.

Hoạt động kinh doanh chính là Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100,00% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/09/2016. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 100.00% tại Công ty con.

• **Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 09 tháng 04 năm 2015. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải, Cho thuê xe có động cơ.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/09/2016. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99.35% tại Công ty con.

• **Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 14 tháng 04 năm 2015. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính là kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/09/2016. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99.00% tại Công ty con.

• **Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội**

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 28 tháng 05 năm 2014. Theo đó;

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, Lê Văn Lương, Trung hòa - Nhân chính, phường Nhân chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt nam.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là vận tải hàng hoá bằng đường bộ, cho thuê xe có động cơ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/09/2016. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 100% tại Công ty con.

• **Công ty TNHH Container Minh Thành**

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200667880 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 7 ngày 5 tháng 8 năm 2014. Theo đó;

Vốn điều lệ : 24.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Cho thuê kho bãi, văn phòng, Cho thuê xe có động cơ.

Công ty nắm giữ 99,9% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/09/2016. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99,9% tại Công ty con.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỷ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

(Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng hoặc được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo

cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

5.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	=	Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế	Vốn chủ sở hữu thực có	x	$\frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$
--	---	---	------------------------	---	--

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng

10.4. Doanh thu nhận trước: Phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về tiền thuê văn phòng, thuê tài sản.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có). Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Quý III năm 2016 là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Đơn vị tính: Đồng

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	623,191,934	63,622,991
Tiền gửi ngân hàng	3,325,833,256	1,988,169,433
Các khoản tương đương tiền	53,500,000,000	63,000,000,000
Gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN-CN Đông HP(1)	53,500,000,000	20,000,000,000
Gửi tiết kiệm Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - CN Hải Phòng		43,000,000,000
Cộng:	57,449,025,190	65,051,792,424

(1). Gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng theo HĐ số 13/HĐTĐ ngày 22/07/2016, HĐ số 15/HĐTĐ ngày 02/08/2016, HĐ số 18/HĐTĐ ngày 16/08/2016 và HĐ số 20/HĐTĐ ngày 12/09/2016.

2. Phải thu về cho vay	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-
b. Phải thu về cho vay dài hạn	40,218,282,000	42,482,000,000
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải(1)	13,468,282,000	26,182,000,000
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	750,000,000
Công ty TNHH Container Minh Thành (2)	26,750,000,000	15,550,000,000
Cộng:	40,218,282,000	42,482,000,000

(1). Khoản phải thu về cho vay Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải theo Hợp đồng cho vay số 01/HDCV/2016 ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải dùng khoản vay này để mua sắm dàn xe Container và phục vụ sản xuất kinh doanh.

(2). Khoản phải thu về cho vay Công ty TNHH Container Minh Thành theo Hợp đồng cho vay số 02/HDCVV/2016 ngày 01 tháng 01 năm 2016, số 04/HDCVV/2016 ngày 06 tháng 04 năm 2016, số 05/HDCVV/2016 ngày 22 tháng 04 năm 2016, số 06/HDCVV/2016 ngày 25 tháng 04 năm 2016, số 08/HDCVV/2016 ngày 13 tháng 06 năm 2016. Công ty TNHH Container Minh Thành dùng nguồn vay này để phục vụ sản xuất kinh doanh và sửa chữa nâng cấp, cải tạo nền bãi.

3. Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1,672,139,795		1,708,638,201	
Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Evergreen	32,827,680		77,869,838	
CN Công ty TNHH KMTC VN tại HP	19,585,735		1,267,875	
Công ty TNHH TM Dịch vụ hàng hóa ANC	2,432,282		221,510,608	
Công ty CP kinh doanh CBLS Yên Bái	48,151,840		160,988,500	
Công ty TNHH Hapag Lloyd Việt Nam			145,055,900	
Công ty TNHH Hội An			29,802,388	
Công ty TNHH S5 ASIA	966,505,019		621,781,892	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Dịch vụ hàng hải Phương Đông(Orimas)	19,754,775	12,460,980
Công ty TNHH Vận tải Đầu tư Xe Hường		220,000,000
CN Cty TNHH MTV TV và PP Phương Đông		76,056,750
Cục Hải Quan Thành phố Hải Phòng	540,951,192	
Các đối tượng khác	41,931,272	141,843,470
b. Phải thu của khách hàng dài hạn		
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	107,907,692	71,553,770
(Xem phần thuyết minh BCTC mục VII.4)		
Cộng:	1,780,047,487	- 1,780,191,971

4. Phải thu khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.1.Ngắn hạn (Không quá 12 tháng)				
a. Phải thu khác của các bên liên quan	25,541,240,813		11,315,029,070	
Phải thu lãi vay, phải thu khác	18,041,511,090		2,667,440,000	
-Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	50,060,940		127,668,333	
-Cty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	310,915,000		2,327,085,000	
-Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	198,480,000		110,825,000	
-Công ty TNHH Container Minh Thành	17,482,055,150		80,341,667	
-Cty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-		21,520,000	
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	7,499,729,723		8,647,589,070	
-Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1,661,174,399		3,344,990,500	
-Cty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-		1,450,274,300	
-Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	253,927,220		1,183,909,397	
-Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	5,584,628,104		2,415,772,761	
-Công ty TNHH Container Minh Thành	-		252,642,112	
b. Phải thu khác các bên không liên quan			235,963,203	
Công ty CP Đầu tư bất động sản Minh Phương			235,614,918	
Các đối tượng khác			348,285	
c. Phải thu khác			731,851,572	
Cộng:	25,541,240,813		- 12,282,843,845	

4.2. Dài hạn (Trên 12 tháng)	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu khác của các bên liên quan	3,492,000,000			
-Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2,472,000,000			
-Cty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	1,020,000,000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Phải thu khác	64,507,572			
Cộng:	3,556,507,572			
7. Hàng tồn kho	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	2,296,257,484	(1,500,000,000)	2,296,257,484	(1,500,000,000)
Cộng:	2,296,257,484	(1,500,000,000)	2,296,257,484	(1,500,000,000)
9. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01)				
13. Chi phí trả trước	Cuối kỳ		Đầu năm	
a Ngắn hạn				
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	8,079,546		19,190,773	
- Chi phí thuê văn phòng	233,592,559		467,185,120	
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	66,501,667		120,836	
Cộng:	308,173,772		486,496,729	
b Dài hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	42,460,146		45,043,256	
- Thiết bị văn phòng và sửa xe	1,040,625		1,849,540	
Cộng:	43,500,771		46,892,796	
16. Phải trả người bán	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Phải trả các bên liên quan (xem phần thuyết minh BCTC mục VII.4)	1,703,198,409	1,703,198,409	1,245,512,168	1,245,512,168
b Phải trả thương mại	73,650,000	73,650,000	35,550,122	35,550,122
Cộng:	1,776,848,409	1,776,848,409	1,281,062,290	1,281,062,290
17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Phải nộp				
- Thuế GTGT	46,047,673	1,083,483,277	1,117,341,049	12,189,901
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	458,943,140	375,327,860	739,191,205	95,079,795
- Thuế thu nhập cá nhân	8,352,372	994,480,245	991,979,622	10,852,995
- Thuế môn bài		3,000,000	3,000,000	
Cộng:	513,343,185	2,456,291,382	2,851,511,876	118,122,691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước hoa hồng cho Ever	60,334,500	32,357,000
Cộng:	60,334,500	32,357,000
19. Phải trả khác		
a. Phải trả ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội	8,606,000	
Bảo hiểm y tế	1,489,500	
Bảo hiểm thất nghiệp	662,000	
Cổ tức lợi nhuận phải trả	569,658,900	532,433,850
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	3,136,566,261	7,512,076,184
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1,842,555,590	
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		6,000,000,000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,269,076,671	1,476,445,569
- Các đối tượng khác	24,934,000	35,630,615
Cộng:	3,716,982,661	8,044,510,034
b. Phải trả dài hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Đối tượng khác	56,000,000	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	7,000,000,000	
Cộng:	7,056,000,000	-
20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	245,886,905	491,773,811
Cộng:	245,886,905	491,773,811
25. Vốn chủ sở hữu		
a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 02)		
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của của các đối tượng khác	184,608,660,000	184,608,660,000
Cổ phiếu quỹ	2,501,340,000	2,501,340,000
Cộng:	187,110,000,000	187,110,000,000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	187,110,000,000	140,300,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	46,810,000,000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

+ Vốn góp cuối kỳ	187,110,000,000	187,110,000,000
+ Cổ tức lợi nhuận đã chia trong đó:	22,243,827,448	20,369,015,830
- Cổ đông của công ty mẹ	22,153,039,200	20,306,952,600
- Cổ đông thiểu số	90,788,248	62,063,230

d, Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18,711,000	18,711,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18,460,866	18,460,866
+ Cổ phiếu phổ thông	18,460,866	18,460,866
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	250,134	250,134
+ Cổ phiếu phổ thông	250,134	250,134
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,460,866	18,460,866
+ Cổ phiếu phổ thông	18,460,866	18,460,866
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu

đ, Cổ tức

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kế toán năm:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	Chưa công bố	12%

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Quý 3 Năm 2016</u>	<u>Quý 3 Năm 2015</u>
Doanh thu thương mại, dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu xuất tàu Shipline	90,408,102	726,360,402
Doanh thu kho CFS	32,212,003	400,400,651
Doanh thu bãi	2,308,011,864	2,134,976,745
Doanh thu vận tải	40,363,636	179,753,363
Doanh thu thương mại, dịch vụ	1,173,522,181	2,537,525,580
Cộng:	3,644,517,786	5,979,016,741
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>Quý 3 Năm 2016</u>	<u>Quý 3 Năm 2015</u>
3. Giá vốn hàng bán thương mại, dịch vụ	<u>Quý 3 Năm 2016</u>	<u>Quý 3 Năm 2015</u>
Giá vốn xuất tàu Shipline	81,382,275	689,878,080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá vốn kho CFS	30,601,401	380,380,621
Giá vốn bãi	2,200,480,851	1,945,602,678
Giá vốn vận tải	23,670,000	153,798,364
Giá vốn thương mại, dịch vụ	968,408,010	2,031,694,489
Cộng:	3,304,542,537	5,201,354,232
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 3 Năm 2016	Quý 3 Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	924,053,726	820,371,897
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6,769,844,585	6,753,258,869
Lãi chênh lệch tỷ giá		59,978
Cộng:	7,693,898,311	7,573,690,744
5. Chi phí tài chính	Quý 3 Năm 2016	Quý 3 Năm 2015
Lãi tiền vay		
Dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con	83,077,485	25,832,867
Cộng:	83,077,485	25,832,867
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 3 Năm 2016	Quý 3 Năm 2015
Chi phí nhân viên	380,191,519	388,177,182
Chi phí khấu hao TSCĐ	16,872,216	17,742,996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	262,763,072	301,963,106
Chi phí bằng tiền khác	45,725,705	103,492,892
Cộng	705,552,512	811,376,176
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Quý 3 Năm 2016	Quý 3 Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa		
Chi phí nhân công	380,191,519	388,177,182
Chi phí Khấu hao TSCĐ	252,416,055	261,858,270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,331,761,770	5,259,202,064
Chi phí bằng tiền khác	45,725,705	103,492,892
Cộng	4,010,095,049	6,012,730,408
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý 3 Năm 2016	Quý 3 Năm 2015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	95,079,795	167,394,775
Cộng	95,079,795	167,394,775

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

2. Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính)

Công ty chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Đơn vị tính: đồng
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	57,449,025,190	57,449,025,190
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1,780,047,487	1,780,047,487
Phải thu ngắn hạn khác	25,541,240,813	25,541,240,813
Cộng	<u>84,770,313,490</u>	<u>84,770,313,490</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Nợ phải trả tài chính		
Ngắn hạn		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	1,776,848,409	1,776,848,409
Phải trả ngắn hạn khác	3,716,982,661	3,716,982,661
Dài hạn		
Phải trả dài hạn khác	7,056,000,000	7,056,000,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-
Cộng	12,549,831,070	12,549,831,070
3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp	Tại thời điểm 30/09/2016	Tại thời điểm 30/09/2015
a. Bố trí cơ cấu tài sản:		
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	69%	70%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	31%	30%
b. Tỷ suất sinh lợi:		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	216%	135%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	10%	8%
c. Tình hình tài chính:		
- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản	5%	4%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	3%	4%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/Tổng vốn chủ sở hữu)	1%	1%

4. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Đơn vị tính: đồng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

TT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công ty con
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
6	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con
7	Ông Nguyễn Thành Lê	Cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- | | |
|--|-------------|
| 8 Công ty Cổ phần Hàng Hải MACS | Cổ đông lớn |
| 9 Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện | Cổ đông lớn |

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
- Giá vốn		7,166,814,405
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	2,574,888,374
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	4,402,706,031
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	189,220,000
- Doanh thu		1,228,158,875
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	46,802,318
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	865,078,922
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	195,108,579
4 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ	116,294,373
5 Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ	2,104,160
6 Công ty TNHH Container MinhThành	Doanh thu dịch vụ	2,770,523
- Cổ tức và lợi nhuận được chia		23,361,322,851
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận	1,573,744,167
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Lợi nhuận	8,953,686,052
3 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận	2,904,925,668
4 Công ty TNHH Container MinhThành	Lợi nhuận	88,054,388
5 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận	9,840,912,576
- Các khoản phải thu ngắn hạn		Tại ngày 30/09/2016
1 Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công nợ phải thu	88,000,000
2 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu	19,907,692
Cộng		107,907,692
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Tại ngày 30/09/2016
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	50,060,940
2 Công ty TNHH Container MinhThành	Công nợ phải thu	17,482,055,150
3 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công nợ phải thu	310,915,000
4 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải thu	198,480,000
Cộng		18,041,511,090
- Các khoản phải thu dài hạn khác		
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	2,472,000,000
2 Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Công nợ phải thu	1,020,000,000
Cộng		3,492,000,000
- Các khoản phải thu lợi nhuận		Tại ngày 30/09/2016
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	1,661,174,399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu	5,584,628,104
3 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải thu	253,927,220
Cộng		7,499,729,723
- Phải thu về cho vay dài hạn		
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Vay vốn kinh doanh	13,468,282,000
2 Công ty TNHH Container MinhThành	Vay vốn kinh doanh	26,750,000,000
Cộng		40,218,282,000
- Phải trả người bán ngắn hạn		
		Tại ngày 30/09/2016
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải trả	7,293,000
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công nợ phải trả	1,328,020,519
3 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải trả	367,884,890
Cộng		1,703,198,409
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác		
		Tại ngày 30/09/2016
1 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công nợ phải trả	1,842,555,590
Cộng		1,842,555,590
- Các khoản phải trả dài hạn khác		
		Tại ngày 30/09/2016
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải trả	7,000,000,000
Cộng		7,000,000,000
- Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát		
		Từ 01/01/2016
		đến 30/09/2016
Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát		1,107,684,084

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội theo TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

6. Thông tin về tính hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

Hải Phòng, ngày 19 tháng 10 năm 2016

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Thái Cường

Phu lục số 01:

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm		31,348,182	9,618,801,776	43,727,274	9,693,877,232
- Mua trong kỳ					-
- XDCB hoàn thành		-	-	-	-
- Tăng khác			-		-
- Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác				-	-
Số dư cuối kỳ		31,348,182	9,618,801,776	43,727,274	9,693,877,232
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		31,348,182	6,078,117,107	35,710,610	6,145,175,899
- Khấu hao trong kỳ			750,689,073	6,559,092	757,248,165
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác			-	-	-
Số dư cuối kỳ		31,348,182	6,828,806,180	42,269,702	6,902,424,064
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm		-	3,540,684,669	8,016,664	3,548,701,333
- Tại ngày cuối kỳ: 30/09/2016		-	2,789,995,596	1,457,572	2,791,453,168

Phu lục số 02:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	140,300,000,000	11,874,859,500	(2,524,789,900)	337,506,100	59,270,435,240	209,258,010,940
Tăng vốn trong năm trước	46,810,000,000		(1,340,000)	-		46,808,660,000
Lãi trong năm trước	-	-	-		30,671,598,117	30,671,598,117
Tăng khác		4,954,500,000		140,335,304		5,094,835,304
Giảm vốn trong năm trước	-	6,890,000,000	-	-		6,890,000,000
Lỗ trong năm trước	-	-	-		-	-
Giảm khác	-	167,000,000			28,207,242,807	28,374,242,807
						-
2. Số dư cuối năm trước	187,110,000,000	9,772,359,500	(2,526,129,900)	477,841,404	61,734,790,550	256,568,861,554
3. Số dư đầu năm nay	187,110,000,000	9,772,359,500	(2,526,129,900)	477,841,404	61,734,790,550	256,568,861,554
Tăng vốn trong kỳ						-
Lãi trong kỳ					24,862,634,291	24,862,634,291
Tăng khác				169,656,471		169,656,471
Giảm vốn trong kỳ						-
Lỗ trong kỳ					22,881,951,666	22,881,951,666
Giảm khác						-
						-
4. Số dư cuối kỳ: 30/09/2016	187,110,000,000	9,772,359,500	(2,526,129,900)	647,497,875	63,715,473,175	258,719,200,650